**Phân tích Trao Duyên – Mẫu 19**

Belinxki đã từng nói: “Bất cứ thi sĩ vĩ đại nào, sở dĩ họ vĩ đại bởi vì những đau khổ và hạnh phúc của họ bắt nguồn từ khoảng sâu thẳm của lịch sử xã hội, bởi vì họ là khí quan và đại biểu của xã hội, của thời đại và của nhân loại.” Thơ ca cũng như văn chương và các loại hình nghệ thuật khác, nếu không hút nhựa sống dạt dào ngầm chảy trong lòng cuộc sống thì nó sẽ mãi mãi là một cây non èo uột, không mang trên mình những cành cây săn chắc, những chiếc lá xanh tươi phơi phới dưới ánh mặt trời. Là nhà thơ, ngòi bút của anh phải chấm vào nghiên mực của cuộc đời thì thơ anh mới tươi màu, neo chặt trong bến tâm hồn người thưởng thức. Và hơn cả, để trở thành “thi sĩ vĩ đại” đòi hỏi anh ta có một trái tim đồng cảm với những linh hồn đơn côi quạnh quẽ, anh ta phải lắng nghe tiếng khóc khổ đau của nhân loại từ đó biến tác phẩm của anh thành tiếng nói đại diện cho những kiếp người mòn mỏi trong đời sống xã hội. Đến với nhưng vần thơ của Nguyễn Du, ông đã cất lên tiếng lòng của mình, để linh hồn của tác phẩm Truyện Kiều mang đến những trang thơ neo đậu mãi trong chúng ta về hình tượng nàng Kiều sắc sảo nhưng lại trải qua những đau thương chất chồng lên cuộc đời của người con gái tài sắc. Nếu Thúy Kiều đứt ruột trao duyên thì Nguyễn Du cũng đã viết nên cảnh Trao duyên bằng những lời thơ tan nát can tràng, đặc biệt qua mười bốn câu thơ đầu:

*“Cậy em em có chịu lời,
…
Duyên này thì giữ vật này của chung.”*

Trong dòng chảy văn học Việt Nam, có lẽ cái tên Nguyễn Du không còn xa lạ gì bởi ông chính là nhà thơ lớn của dân tộc, một danh nhân văn hóa thế giới, một bậc thầy “phù thủy” về ngôn ngữ và hơn cả là một người có quan điểm tư tưởng tiến bộ bậc nhất trong xã hội phong kiến đương thời. Cuộc đời ông là những trải nghiệm cuộc sống phong trần; từ chốn quan trường xa hoa cho đến nông thôn nghèo khó, tất cả điều ấy đã giúp Nguyễn Du nắm vững ngôn ngữ nghệ thuật dân gian “thôn ca sơ học táng ma ngữ”. Nguyễn Du nói rằng mình là người “Thiên tuế trường ưu vị tử tiền” (trước khi chết còn lo mãi chuyện ngàn năm). Ông là vậy, là bi thương tột cùng, phẫn nộ lớn lao, là tưởng tượng kỳ diệu nhưng bao giờ cũng rất gần trái tim người. Nỗi đau đời lớn đó là bản thể của cốt cách ông và “không gì làm cho chúng ta bằng nỗi đau đớn” (A.Musset). Nỗi đau đớn của Nguyễn Du đã thanh lọc, nâng đỡ tất cả chúng ta. Qua đó, ông hình thành phong cách sáng tác luôn canh cánh trong lòng “khối u sầu một đời” đặc biệt là tác phẩm “Đoạn trường tân thanh”. Tác phẩm là những dòng thơ lục bát đầy tinh tế nói về cuộc đời nàng Kiều với biết bao cay đắng, tủi hờn và có lẽ đoạn trích “Trao duyên” là một trong những phân đoạn hay nhất của tác phẩm. Chỉ với mười bốn dòng thơ đầu đoạn trích đã cho người đọc thấy bi kịch tình yêu, thân phận bất hạnh và nhân cách cao đẹp của nàng Kiều khiến ta không khỏi mà nhỏ lệ tiếc thương!

Đoạn trích nằm ở câu thơ 723 đến câu 756 trong phần gia biến và lưu lạc. Đây cũng chính là quãng thời gian khép lại cuộc sống êm đềm, hạnh phúc của Kiều, mở ra đoạn đời nổi lênh, phiêu bạt, đắng cay, đau khổ dằng dặc trong suốt mười lăm năm lưu lạc. Sau đêm thề nguyền, Kim Trọng phải về gấp để chịu tang chú ở Liêu Dương, cũng trong lúc ấy bọn sai nha gây nên vụ án oan sai đối với gia đình Thúy Kiều, nàng buộc phải hy sinh mối tình với Kim Trọng, bán mình làm vợ lẻ cho Mã Giám Sinh để lấy tiền hối lộ cho chúng nhằm cứu cha và em khỏi đòn đánh tra khảo dã man. Chính vì thế mà nàng chẳng thể giữ trọn lời thề với chàng Kim một nỗi đau khôn cùng:

*“Một mình nàng ngọn đèn khuya
Áo đầm giọt lệ, tóc se mái sầu”*

Việc nhà đã sắp xếp xong xuôi, Kiều ngồi trắng đêm nghĩ đến thân phận và tình yêu rồi nàng nhờ em gái là Thúy Vân thay mình kết duyên với Kim Trọng. Trong Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, Kiều trao duyên, xong mới bán mình còn trong Truyện Kiều của Nguyễn Du thì ngược lại. Bởi lẽ đó là mọi chuyên đã rồi, nếu không bán mình thì Vân không đồng ý, vì chữ Hiếu, thấy mình không còn xứng đáng. Lúc này Kiều không còn làm chủ cuộc đời mình, thứ duy nhất Kiều có thể sắp đặt là “Trao duyên”. Trăn trở “vì ta khăng khít cho người dở dang”, những thổn thức thúc đẩy Kiều hành động sau những đắn đo:

*“Hở môi ra cũng thẹn thùng,
Để lòng thì phụ tấm lòng với ai.”*

Bi kịch tình yêu, thân phận bất hạnh và nhân cách cao đẹp của nàng Kiều được thể hiện rất rõ trong đoạn thơ. Nàng phải đem tình yêu đầu đời vẫn còn mặn nồng để trao cho em nhưng “ép dầu ép mỡ ai nỡ ép duyên”, chuyện vợ chồng là việc hệ trọng cả đời, không yêu sao có thể lấy làm chồng ấy vậy mà Kiều đành thương cha bán mình, thương người tình nàng đành cậy em:

*“Cậy em em có chịu lời,
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.”*

Từ những dòng thơ đầu đã thấy sự thông minh của Kiều qua cách sử dụng từ ngữ đầy khéo léo. Nàng “Cậy em” chứ không phải “nhờ”, một thanh trắc với âm điệu nặng nề, gợi sự quằn quại, đau đớn, khó nói trước việc vô cùng tế nhị. Trong hoàn cảnh ấy, dường như Vân chính là niềm an ủi cuối cùng mà Kiều có thể bấu víu vào để vượt qua cơn thác lũ của số phận oan nghiệt. “Cậy” không chỉ mang ý là nhờ vả nhưng bao trùm lên cả nó chính là sự tin cậy, trông cậy, hi vọng, ủy thác và cả sự phó mặc. Bên cạnh đó Kiều còn khéo léo sử dụng từ “chịu” thay vì từ “nhận”. Bằng việc sử dụng từ trên, ta có thể thấy rõ Kiều hiểu em mình đang trong tình huống khó xử như thế nào, “chịu” là bị ép buộc, bắt buộc phải chấp nhận điều mình không mong muốn. Nó gợi lên rõ sự thiệt thòi của Thúy Vân, thế mới thấy, Kiều đâu chỉ đơn thuần thuyết phục em mà còn đặt mình vào vị trí của Vân để hiểu được rằng Vân chẳng mấy vui vẻ, hài lòng. Điều ấy đã giúp người đọc hình dung ra một nàng Kiều ngay trong lúc đau đớn nhất vẫn nghĩ đến nỗi đau của người khác, một nàng Kiều vị tha, sâu sắc. Phải chăng đó chính là nhân cách cao đẹp của nàng? Nguyễn Du đã chọn lọc từ ngữ chính xác, phù hợp với hoàn cảnh nhân vật. Song, không chỉ là từ ngữ, ông cũng chú trọng vào hành động của Thúy Kiều khi dùng lễ nghi: “lạy” và “thưa”. Trong xã hội phong kiến xưa, đó là những hành động của kẻ bề dưới với người bề trên, của con cái với ông bà, cha mẹ, với tổ tiên, trời đất nhưng đây tại sao Thúy Kiều lại lạy Thúy vân? Nàng vốn sinh ra trong một gia đình gia giáo, một xã hội coi trọng lễ nghi, rõ ràng Kiều là bề trên của Vân, cái “lạy” đó thật trái với lẽ thường tình nhưng ta lại không biết rằng nàng tinh tế đến nhường nào. Hành động ấy một lần nữa giúp ta thấu tỏ hơn về một nàng Kiều ngay trong cơn thác lũ của cuộc đời, nàng vẫn thấu lí đạt tình, ý thức sâu sắc về hoàn cảnh của mình trong hiện tại, tình yêu vô cùng mãnh liệt, khao khát hạnh phúc thì vô biên mà thời gian yêu thương thì ngắn ngủi, chật hẹp. Sóng gió cuộc đời khủng khiếp ập tới bất cứ lúc nào. Chính ý thức đó đã khiến Kiều phải hành động như thế. Kiều muốn tranh chấp với số mệnh bởi ngay trước đó nàng biết có biết bao người “nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương”, hiểu thấu những phi lý cuộc đời “Thề hoa chưa ráo chén vàng” chàng Kim đã ra đi, gia đình đang hạnh phúc thì cha mẹ “rường cao rút ngược dây oan”, tai họa ập tới bất ngờ, con người không thể chống đỡ nổi nên giờ đây Kiều phải hành động để tranh chấp với thời gian, số mệnh để cứu lấy tình yêu của mình với Kim Trọng. Kiều hiểu rằng chỉ có thành tâm, cúi mình thì mới đặt Vân vào vị trí không thể từ chối lời khẩn cầu của mình. Một câu chuyện khó nói phải mở lời một cách tế nhị. Một trách nhiệm nặng nề phải được đặt vấn đề một cách trang trọng. Kết hợp cách ngắt nhịp và giọng thơ nhẹ nhàng mà tha thiết giúp ta cảm nhận được sự nghẹn ngào, sự nấc nhẹ trong cảm xúc của nàng. Hai câu thơ mở đầu đã gợi ra một không khí thiêng liêng, trang trọng, ở đó khắc họa lên một Thúy Kiều thông minh, khéo léo, chu toàn mà chẳng kém phần tinh tế.

Nguyễn Du đã thâm nhập vào sâu thẳm của nội tâm nhân vật, miêu tả nàng Kiều với tất cả trạng thái tình cảm phong phú, phức tạp như một con người thật ở ngoài đời của mình, không che giấu tình cảm sâu nặng của mình đối với chàng Kim:

*“Giữa đường đứt gánh tương tư,
Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em.”*

Nàng Kiều trong đoạn Trao duyên cũng như xuyên suốt Truyện Kiều không đơn giản chỉ là một con người hành động vì mục đích nào đó. Nàng Kiều ấy còn luôn sống với những tâm tư, tình cảm thầm kín của mình. Hình ảnh đứt “gánh tương tư” thật giàu sức gợi hình: thường thì “gánh” dùng để chỉ một khối lượng vật chất, còn “tương tư” chỉ một khái niệm phi vật chất. Người xưa xem tình yêu cũng là một gánh nghĩa vụ, gánh nặng: Duyên tình nặng gánh ai ơi (ca dao). Vận dụng lời ăn tiếng nói và lối suy nghĩ của nhân dân lao động, Nguyễn Du đã thêm vào kho tàng từ điển nước nhà một khái niệm trữ tình mới: “gánh tương tư”. Thành ngữ “gánh tương tư” vốn để diễn tả tình yêu trai gái tha thiết, mặn nồng với nỗi nhớ da diết, khắc khoải không thôi. Cũng bởi vậy mà “tương tư” đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận của thi ca như Nguyễn Bình từng viết rằng:

*“Gió mưa là bệnh của giời
Tương tư là chuyện của tôi yêu nàng”*

Hay như ca dao có câu:

*“Nhớ ai bổi hổi bồi hồi
Như đứng đống lửa, như ngồi đống than”*

“tương tư” đẹp đến vậy lại được Kiều dùng cùng từ “đứt” làm cho người đọc thấy chua xót trước mối tình dở dang của chàng Kim và nàng. “Keo loan” là thứ máu của chim loan mà giờ đây nàng phải dùng nó để chắp “mối tơ thừa”. Hai từ “tơ thừa” nghe sao mà xót xa! “Tơ” ở đây là “tơ duyên” (Tơ duyên còn vướng mối này chưa xong), nhưng tơ duyên đã đứt, cần phải “chắp mối”. Đối với Thúy Vân, đó chỉ là “tơ thừa”. Kiều hiểu thấu cảm giác và tình cảm thiệt thòi của em nên nói thẳng ra luôn. Duyên ấy trong chị, tình ấy trong chị là mối tình khắc cốt ghi tâm vậy mà khi song Vân lại thành “mối tơ thừa”, ta đâu ngờ rằng, để gắn “mối tơ thừa” ấy với Kim Trọng nàng đã phải dùng chính thứ máu của tình chị em ruột thịt thế mới thấy Kiều đau đớn nhường nào, Vân xót xa đến ra sao. Ngay cả lúc đang kể về mối tình của mình, Kiều vẫn không quên việc thuyết phục Vân. Dù trái tim đang chịu những giằng xé, nàng vẫn phải tỉnh táo trong việc lựa chọn từ ngữ để nói với Vân. “Mặc em” chính là sự tin tưởng, ủy thác, trong đó có cả tình chị em thân thiết. Nếu quá khứ chỉ hiện lên qua các sự kiện thì hiện tại lại được Kiều nói lên bằng những điển tích, điển cố giàu sức gợi vì vậy mà ta mới thấu hiểu bi kịch tình yêu của nàng chua xót, đắng cay khôn cùng!

Tình yêu ai mà chẳng từng có những kỉ niệm đẹp, những lời hẹn ước, thề nguyền nhưng với Kiều đó chỉ là quá khứ mà thôi và rồi khi nàng quay lại thực tại thì nó mới bẽ bàng, xót xa làm sao:

*“Kể từ khi gặp chàng Kim,
Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.”*

Đúng như Mộng Liên Đường Chủ Nhân từng nói rằng: “Tài mà không gặp gỡ, tình mà không được hả hê. Đây là cái căn nguyên của hai chữ đoạn trường”. Bi kịch tình yêu của Kiều được nàng tâm sự với Vân chỉ mong em mình có thể cảm thông, sẻ chia. Nàng chọn cách nói điểm xuyết phải chăng là để tránh đau thương giằng xé hay là để Vân không cảm thấy khó xử? Phép trùng điệp ba từ “khi” thể hiện những kỷ niệm giữa kí ức và thực tại, đẩy đời Kiều vào miền kí ức đau thương dù cho nàng cố kìm nén. Dùng từ “khi” đẻ diễn tả sự tan vỡ là điều ta luôn bắt gặp trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du:

*“Khi tỉnh rượu lúc tàn canh
Giật mình mình lại thương mình xót xa”*

Nhờ lối nói trùng điệp kết hợp với thủ pháp tiểu đối (ngày – đêm, quạt ước – chén thề) chúng ta có thể cảm nhận sự dở dang, bẽ bàng đến xót xa của tình yêu giữa chàng Kim. Hơn cả, nàng còn sử dụng từ ngữ chỉ thời gian: “ngày”, “đêm”. Nó chính là hoán dụ cho những kí ức tươi đẹp và rực rỡ trong đêm thề nguyền “Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương”, cùng với đó là hình ảnh ước lệ “quạt ước”, “chén thề” làm cho những miền kí ức ấy dù chỉ điểm xuyết nhưng cứ như những cơn sóng dâng trào mãnh liệt trong nàng. Cấu trúc câu “Kể từ khi gặp… khi ngày… khi đêm” tạo âm điệu thơ luyến láy, nhịp điệu gấp gáp cho thấy dù Kiều đang tự bộc bạch về mối tình đầu, nhắc lại kỷ niệm tình yêu tha thiết nhưng thái độ lại không hề hạnh phúc. Phải chăng Kiều ý thức được sự ngắn ngủi, mong manh của hạnh phúc giữa cuộc đời dâu bể. Tất cả làm nổi bât bi kịch oan trái của cuộc đời Kiều: khao khát hạnh phúc thì vô biên “quạt ước, chén thề” nhưng hiện thực đời sống tàn nhẫn khủng khiếp “đứt gánh, tơ thừa” đã biến hạnh phúc thành chốc lát, còn lại chỉ là xót xa, tiếc nuối khôn nguôi. Kiều khẩn thiết nhờ em thay mình trả nghĩa cho Kim Trọng, Kiều càng đặt tình cảm của mình cho mối tình này thì tâm tư, nguyện vọng dành cho Vân càng nhiều. Đồng thời khi hồi tưởng lại, Kiều thể hiện tình cảm đầy tiếc nuối như mới hôm qua.

Kiều không chỉ dùng câu chuyện tình yêu để lay động em gái, Kiều còn dùng những lí lẽ tình và lý để thuyết phục Vân đồng ý:

*“Sự đâu sóng gió bất kì
Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai”*

Chỉ với hai từ “sóng gió”, Nguyễn Du đã làm hiện lên trong đầu ta cả một bầu trời liên tưởng. Đó là khó khăn, là bão tố, là mây đen bắt đầu xuất hiện và bao trùm lên cuộc đời của nàng. Là người chị cả, Kiều đành hy sinh bản thân mình để gia đình được yên ổn, êm ấm bởi lẽ: “có ba trăm lạng việc này mới xuôi”. Kể từ đây, mối tơ duyên của nàng đã đứt, nhưng đó cũng chỉ là khởi đầu, Nguyễn Du đã từng đưa ra những điềm báo tai ương cho đời Kiều, trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” khi miêu tả Thúy Vân “Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da” thiên nhiên nhường bước trước vẻ đẹp của nàng, dự báo một cuộc đời êm ả, còn Thúy Kiều “Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh”, thiên nhiên nổi loạn hờn ghen trước vẻ đẹp của nàng, dự báo về một cuộc đời bão tố. Và giờ đây là thời điểm “sóng gió” bắt đầu gợn lên, cuộc đời nàng đã sang một trang mới, u ám hơn nhiều. Không chỉ nói lên tiếng lòng của nàng Kiều mà Nguyễn Du còn lên án tố cáo chế độ phong kiến đã cướp đi cảnh yên bình của rất nhiều gia đình:

*“Thuở trời đất nổi cơn gió bụi
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên
Xanh kia thăm thẳm tầng trên
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này”*

Bên cạnh các thế lực thống trị và lũ người hung ác, đó còn là sức mạnh của đồng tiền “sạch sành sanh vét cho đầy túi tham”. Chính vì tiền mà bọn quan lại tham ô đẩy gia đình Kiều sa vào tai họa, vì tiền mà bọn buôn người “cò kè bớt một thêm hai” đã đẩy Kiều vào chốn bùn nhơ, lũ lưu manh bắt cớ đánh đập người vô tội:

*“Một ngày lạ thói sai nha
Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền”*

Nàng Kiều “tài sắc vẹn toàn” đáng ra phải được sống trong cảnh yên bình. Thế mà giờ đây, nàng phải chịu lấy tai ương của số phận, của xã hội phong kiến chèn ép, đè nén, bóp méo cuộc sống trọn vẹn của người dân:

*“Bắt phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phần thanh cao”*

Số phận của Kiều cũng chính là mẫu số chung của thân phận người phụ nữ trong chế độ phong kiến xưa:

*“Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”*

Chữ Hiếu là một phạm trù đạo đức trong nho giáo, vì hiếu con người ta có thể phải dẹp bỏ tình riêng và Kiều cũng vậy, nàng không cho phép mình trở thành một người con bất hiếu. Nàng đành chôn vùi tình cảm riêng tư để báo hiếu cho cha, cho mẹ:

*“Nỗi riêng riêng những bàng hoàng
Dầu chong trắng đĩa lệ tràn thấm khăn”*

Ở đời phàm, người ta thường hi sinh tất cả vì tình yêu bởi ai chẳng khát khao được gắn bó với người mình yêu, được hạnh phúc bên cạnh họ. Nhưng với Kiều, khát khao ấy lại mãnh liệt gấp bội, vì tình yêu mà nàng đã từng vượt qua cả lễ giáo phong kiến khắt khe để: “Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình” vậy mà giờ đây đành lòng vứt bỏ thật đau đớn xiết bao! Nhưng vì:

*“Duyên hội ngộ, đứt cù lao
Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn?”*

Trăm nghìn nuối tiếc, đắng cay, nàng cố cầm lòng, nén lại tiếng khóc để bình tĩnh bắc một bàn cân chập chờn hai phía Hiếu – Tình. Kiều đã có trong lòng mình sự lựa chọn giữa Hiếu và Tình (hy sinh chữ Tình vì chữ Hiếu cho nên mới có cuộc trao duyên), nhưng sao trong lời nói vẫn có phần phân vân: “khôn lẽ”! Những lời này khiến Vân phải suy nghĩ về trách nhiệm của mình đối với lời ủy thác của chị.

Cái điều mà Kiều muốn thưa với Vân chính là bi kịch tình yêu tan vỡ của mình và tha thiết cầu khẩn Vân thay mình nối duyên với Kim Trọng:

*“Ngày xuân em hãy còn dài
Xót tình máu mủ, thay lời nước non.”*

Có lẽ chỉ có những người con gái mang trong mình nhân cách cao đẹp như Kiều mới đủ sức mạnh để làm những điều tưởng chừng khó khăn nhất như thế! Ta đều biết rằng chị em Thúy Kiều đều là những thiếu nữ tuổi mười tám đôi mươi: “Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê” nhưng rồi trong đêm trao duyên ấy nàng Kiều lại nhắn nhủ với Vân rằng: “Ngày xuân em hãy còn dài” phải chăng nàng có ẩn ý gì? Và rồi khi ta biết được cái ẩn ý ấy thì mới thật chua xót làm sao! Với Kiều, Vân đang được tự do, ngày tháng tuổi trẻ vẫn còn rộng, còn dài nhưng với Kiều nàng đã phải bán mình chuộc cha chẳng khác nào bán đi chính tuổi xuân, hạnh phúc của đời mình? Tính từ “xót” mang sắc thái đặc biệt diễn tả mối quan hệ ruột thịt, cùng huyết thống, khi dùng tính từ ấy, Kiều như lay động tấm chân tình, như chạm đến tình máu mủ thiêng liêng vậy thì sao Vân không động lòng chứ? Từ “xót” ở đây còn giúp ta hiểu được Vân nhận lời trao duyên vì xót thương cho chị chứ không phải vì tình yêu, còn với Kiều, nàng xót vì Vân phải “lấy người mình không yêu – lấy người không yêu mình”. Trong “Truyện Kiều”, Nguyễn Du cũng từng dùng từ “xót” khi thể hiện nỗi lòng của cha mẹ Kiều khi nhớ thương con cái đang biền biệt phương xa:

*“Xót con lòng nặng chề chề”*

Lời lẽ thuyết phục như chạm vào các cung bậc cảm xúc để ngân vang lên âm thanh của sự đồng cảm khiến nàng như được an ủi phần nào trước cái bi kịch tình yêu, trước thân phận bất hạnh của chính mình. Cùng với việc sử dụng phép đối “Tình máu mủ – lời nước non” thể hiện tình cảm sâu nặng của Kiều và Vân, việc Vân chấp nhận lời trao duyên có ý nghĩa như việc nước thế mới thấy Kiều trân trọng em mình ra sao.

Kiều còn viện cả cái chết của mình ra để nói lên sự toại nguyện nếu Vân nhận lời thay mình trả nghĩa cho Kim Trọng:

*“Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây”*

Thành ngữ “thịt nát xương mòn” nói lên Kiều tự ý thức về thân phận hồng nhan bạc mệnh, dự cảm về bi kịch cuộc đời mình một cách sâu sắc. Kiều dùng cách nói “Ngậm cười chín suối”, “thơm lây” như muốn dồn hết công lao cho em, phủ nhận hết công sức của mình. Qua đó, nàng bày tỏ sự biết ơn và như một sự khích lệ đối với nàng Vân. Lời thỉnh cầu của Kiều vừa chân thành, vừa thuyết phục, vừa thiết tha, vừa ràng buộc, đưa Vân đến tình thế mặc nhiên phải chấp nhận. Nàng Kiều của Nguyễn Du tỏ ra “sắc sảo mặn mà” cả trong bi kịch đau đớn nhất của mình. Mượn cả cái chết “ngậm cười chín suối” để nói lên sự thanh thản của mình nếu như Vân nhận lời nối duyên với chàng Kim. Cách nói mỗi lúc một nặng, khiến Vân hiểu rõ được điều mình nên làm, qua đó một lần nữa cho người đọc thấy sự nhạy bén, thông minh của Kiều trong những lập luận khéo léo, uyển chuyển và sắc bén của mình. Chỉ một nỗi đau nhưng được soi từ nhiều phía và phía nào cũng là đối nghịch giữa còn- mất; hợp- tan; âm- dương cách trở. Kẻ đáng thương duy nhất chính là nàng. Đến đây, lời trao duyên đã hóa thành lời trăng trối, là ước nguyện cuối cùng của người trao. Qua những lý lẽ mà Kiều giãi bày với Vân, có thể thấy: Kiều không hoàn toàn ép buộc mà chủ yếu kêu gọi lòng thương, sự đồng cảm và tinh thần tự nguyện của Vân.

Nói xong lời thỏa nguyện bình sinh và hàm ơn đối với em, Kiều làm nốt cái phần việc cuối cùng và khó khăn nhất: tra kỷ vật cho Vân. Tay Kiều thì trao nhưng lòng Kiều còn cố níu kéo giữ lại một chút gì cho mình:

*“Chiếc vành với bức tờ mây
Duyên này thì giữ vật này của chung.”*

Nhịp điệu đã không còn hoàn toàn bình thường nữa. Nếu ở câu một, nhịp điệu vẫn còn phẳng lặng thì ở câu sau “Rõ ràng là Thúy Kiều bắt đầu lúng túng” (Nguyễn Lộc). Biết phân biệt thế nào những cái không dễ rạch ròi? “Tờ mây”, “chiếc vành” là những vật hữu hình, nhưng nó lại là tiếng nói bền bỉ, lặng thầm của những khái niệm vô hình – giây phút gặp gỡ và thề nguyền giữa Kim và Kiều (Giở kim thoa với khăn hồng trao tay, Tiên thề cùng thảo một chương). Cái bối rối trong sự phân chia của Thúy Kiều giữa “vật này” với “duyên này”. Kỷ vật có thể là chung, nhưng tình yêu của con người thì dứt khoát khó lòng mà sẻ chia. Hoài Thanh viết: “Của chung là của ai? Bao nhiêu đau đớn trong hai tiếng đơn sơ!” Biết bao giằng xé, đau đớn, chua chát trong hai chữ “của chung” đầy phi lí ấy. Khẩn khoản, van nài em nhận lời trao duyên của mình, vậy mà Kiều lại thấy mình như là kẻ bị mất, coi mình như là người mệnh bạc. Tất cả những tình cảm mâu thuẫn ấy càng làm cho tấm bi kịch tình yêu tan vỡ của Kiều thêm đau đớn. Khi nghĩ đến việc hy sinh chữ Tình vì chữ Hiếu, chắc ý nghĩ mất Kim Trọng đã đến trong nàng. Trong lúc lựa lời thuyết phục em, cảm giác mất mát ấy có đến gần hơn. Nhưng có lẽ phải đến lúc này đây, nỗi mất mát ấy mới thực sự choáng ngợp tâm hồn nàng. Còn giữ kỷ vật, ít nhiều người ta vẫn có cái ảo giác người yêu hãy còn là của mình. Chỉ đến khi cầm kỷ vật trao đi cho kẻ khác, người ta mới thật sự rơi vào hụt hẫng. Nỗi mất mát ấy mới thật sự khiến cho con người thấy trống hoang cả cõi lòng. Bắt đầu từ giây phút này, cùng với kỷ vật này, chàng Kim sẽ vĩnh viễn thuộc về người khác. Câu thơ như một nỗi nghẹn ngào!

Hoài Thanh từng nói rằng: “Nếu cảm hứng nhân bản nghiêng về đồng cảm với những khát vọng rất người của con người, cảm hứng nhân văn thiên về ca ngợi vẻ đẹp của con người thì cảm hứng nhân đạo là bao trùm”. Thật vậy, khép lại mười bốn dòng thơ đầu ta thấy sự đồng cảm, xót xa trước nỗi đau khi tình yêu tan vỡ của Kiều, là sự ngợi ca phẩm chất tốt đẹp về một nàng Kiều vừa có hiếu, vừa có tình, biết cảm thông, biết hi sinh. Đồng thời Nguyễn Du còn tố cáo xã hội vì đồng tiền có sức mạnh vạn năng chi phối và đày ảo con người, “đồng tiền lăn tròn trên mọi đáy lương tâm” (Balzac). Ngoài ra, bằng tài năng miêu tả nội tâm nhân vật, sử dụng ngôn ngữ điêu luyện kết hợp giữa ngôn ngữ bình dân và ngôn ngữ bác học đồng thời sử dụng hình ảnh giàu giá trị biểu cảm. Qua đó nàng Kiều hiện lên như một lý tưởng, một khát vọng của thời đại. Vì thế ta mới hiểu được tại sao Huỳnh Thúc Kháng sau này có viết rằng: “Truyện Kiều về mặt mỹ thuật rõ là cực tốt, mà ở trong đựng nhân vật có chất độc”

Đoạn trích Trao duyên đã cho ta thấy cuộc đời nàng Kiều là một chuỗi đau thương nối tiếp đau thương. Để rồi, Nguyễn Du đã cúi xuống, nâng niu và đồng cảm với thân phận của nàng. Ông đã đi sâu, đã len lỏi vào từng ngóc ngách tâm hồn của nàng để cảm thông và dành cho nàng một sự trân trọng đặc biệt. Nếu như đương thời chỉ có một Hồ Xuân Hương “học rộng mà thuần thục, dùng chữ ít mà đầy đủ, từ mới lạ mà đẹp đẽ, thơ đúng phép mà văn hóa” hay một Phạm Thái tài hoa mà ngang tàn, ngang tàn mà chân thực, chân thực mà ngông nghênh, bảo thủ thì đương nhiên cũng chỉ có một Tố Như “lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm trên tờ giấy”, một Tố Như “tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh như hệt, đàm tình đã thiết, con mắt trông thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời” (Mộng Liên Đường, Bài tựa “Truyện Kiều”).

*“Một ngày kia Truyện Kiều mới phóng ra hết lượng tử của mình
Những vỉa thơ nhân loại quên đi, và phát hiện ra những hồn thơ ẩn náu
Hồn ta ơi! Hôm nay ngươi thanh bình mà ngày mai giông bão
Trong câu Kiều xưa, ta tìm ra Nguyễn Du mà tìm cả chính mình.”
(Đọc Kiều, một ngày kia – Chế Lan Viên)*

Tản Đà từng nhận xét: “Trong cả quyển Kiều, văn tả tình không mấy đoạn dài hơn như đây. Đoạn này thật lâm ly mà như thế mới hết tình sự”. Chỉ một đoạn Trao duyên, từ lời nói đến hành động, lúc lý trí, lúc tình cảm, khi bình tĩnh, lúc van xin… đủ các cung bậc của mênh mông thế giới tinh thần. Thúy Kiều đã hiện lên như một bức chân dung phẩm hạnh cao quý, một nỗi đau nhân bản thẳm sâu:

*“Người sao hiếu nghĩa đủ đường
Kiếp sao rặt những đoạn trường thế thôi”*

Cảm thông, trân trọng nàng Kiều, chúng ta càng cảm thông, trân trọng cái tài, cái đức và bao trùm tất cả là cái tâm của Nguyễn Du. Vì có ở đâu xa, chính nàng Kiều được sinh ra từ trái tim thi sỹ, một trái tim mà “Nỗi đau anh trùng nỗi đau nhân loại – Mượn câu Kiều anh hóa thạch cuộc đời riêng” (Chế Lan Viên). Từ bao năm nay, đoạn Trao duyên, với hình tượng nhân vật nàng Kiều đẹp đẽ, sống động, đã “hóa thạch” trong lịch sử văn chương Việt Nam, trong vạn triệu tâm hồn giàu tình thương và lòng mến trọng nhân nghĩa là ở những khía cạnh nội dung, nghệ thuật, những cảm hứng thẩm mỹ như vậy đó!